

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa,
nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035,
giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
Luật số 90/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật
Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia
tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật
Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của
Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại
hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số
275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của
Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 249/2025/QH15
ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương
trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo
giai đoạn 2026 - 2035;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 38/BCTĐ-
BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng thẩm định Báo cáo nghiên cứu
khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo
dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;
xét đề nghị của Ban Quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số
558/TTr-BQLCDA ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc phê duyệt Chương trình mục
tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026*

m

- 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030; theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính tại Tờ trình số 898/TTr-KHTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Thủ tướng CP, các Phó Thủ tướng CP; (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Bộ trưởng, các Thủ trưởng và các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở GDĐT các tỉnh, thành phố;
- Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Hoàng Minh Sơn

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
HIỆN ĐẠI HÓA, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1888**/QĐ-BGDĐT ngày **30** tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Nhằm thực hiện Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội khóa XV về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035 được đồng bộ, kịp thời, thống nhất và có hiệu quả, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát

Chuẩn hóa, hiện đại hóa toàn diện hệ thống giáo dục và đào tạo, tạo bước chuyển căn bản, mạnh mẽ về chất lượng giáo dục và đào tạo; mở rộng cơ hội học tập cho mọi người dân, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, quyền được học tập suốt đời; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Xây dựng mạng lưới trường mầm non, trường phổ thông công lập, phần đầu cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh; từng bước bảo đảm cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi, hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; phần đầu kiên cố hóa 100% phòng học, bảo đảm đủ nhà công vụ cho giáo viên tại các địa bàn khó khăn; 30% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có thiết bị để triển khai thực hiện dạy và học một số môn bằng tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

b) Đầu tư trọng điểm cho 18 trường cao đẳng, trong đó 06 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia và 12 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ, phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia; đầu tư cho khoảng 30 trường cao đẳng để đào tạo ít nhất 20 ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn phát triển kinh tế - xã hội vùng và địa phương, có năng lực cạnh tranh trong khu vực ASEAN.

c) Từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa hệ thống giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Phần đầu 50% cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn, ít nhất 30 cơ sở giáo dục đại học được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á; 08 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 200 đại học hàng đầu châu Á và 01 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số ngành, lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín; hình thành 10 trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm.

d) Đầu tư hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng, năng lực của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chủ động chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế và phát triển toàn diện người học.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi

Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả nước. Trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình để đầu tư cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm theo nhóm mục tiêu đã được xác định.

Chương trình không bao gồm các hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí vốn cho hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, cho các Chương trình, Đề án, nhiệm vụ khác.

2. Đối tượng thụ hưởng

Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập (không bao gồm các trường: Hữu nghị T78, Hữu nghị 80, Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, Dự bị đại học, Phổ thông dân tộc nội trú, Phổ thông dân tộc bán trú và các trường phổ thông nội trú liên cấp ở các xã biên giới đã được đầu tư bằng các nguồn vốn khác); trẻ em, học sinh, sinh viên, người học, nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục.

3. Thời gian thực hiện

Chương trình được thực hiện từ năm 2026 đến hết năm 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

III. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án thành phần 1: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông

1.1. Mục tiêu chung

Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục mầm non và phổ thông, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục, tạo môi trường học tập an toàn, hiện đại, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của người học và bảo đảm bình đẳng trong

tiếp cận giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Phân đầu đến năm 2030 hoàn thành 100% mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học, trong đó ưu tiên cấp học mầm non và tiểu học.

b) Phân đầu đến năm 2030 cơ bản hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, bảo đảm tất cả trẻ em trong độ tuổi được tiếp cận chương trình giáo dục mầm non chất lượng, an toàn và phù hợp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Phân đầu đến năm 2030 hoàn thiện hệ thống trường phổ thông nội trú, đủ nhà công vụ cho giáo viên đang công tác giảng dạy ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, mở rộng cơ hội tiếp cận học tập chất lượng cho người dân; hoàn thiện các trường chuyên biệt theo quy hoạch được phê duyệt.

d) Phân đầu đến năm 2030 các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được đầu tư trang thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chương trình giáo dục; ưu tiên bổ sung thiết bị cho trẻ làm quen với tiếng Anh ở mầm non; thiết bị số, trí tuệ nhân tạo có kiểm soát (AI), thiết bị để thực hiện dạy tiếng Anh qua một số môn học và dạy học một số môn học bằng tiếng Anh trong giáo dục phổ thông để thực hiện từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, thiết bị phòng học bộ môn, thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM.

đ) Phân đầu đến năm 2030 các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất đạt chuẩn tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó ưu tiên bổ sung đủ phòng học trên lớp cho cấp mầm non, tiểu học; phòng học bộ môn, thư viện, khu thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu thực hiện chương trình giáo dục.

1.3. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi: Trên phạm vi cả nước.

b) Đối tượng thụ hưởng:

Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các trường: Hữu nghị 80, Hữu nghị T78, Phổ thông Vùng cao Việt Bắc; Dự bị đại học, phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, phổ thông nội trú liên cấp ở các xã biên giới đã được đầu tư bằng các nguồn vốn khác và các cơ sở giáo dục đã được đầu tư từ các chương trình khác).

1.4. Nội dung hoạt động

a) Nội dung số 01: Đầu tư xây dựng mới thay thế các phòng học tạm, nhờ mượn, cấp 4 xuống cấp của các cấp học mầm non, phổ thông.

b) Nội dung số 02: Xây mới, bổ sung phòng học, trong đó ưu tiên cho mầm non và tiểu học.

c) Nội dung số 03: Đầu tư bổ sung các hạng mục phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu phục vụ sinh hoạt nội trú cho học sinh, còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Nội dung số 04: Bổ sung trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu, thiết bị cho trẻ làm quen với tiếng Anh ở mầm non; thiết bị để thực hiện dạy tiếng Anh qua một số môn học và dạy học một số môn học bằng tiếng Anh trong giáo dục phổ thông, thiết bị ứng dụng AI, thiết bị phòng học bộ môn, thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM.

1.5. Vốn và nguồn vốn

Tổng vốn giai đoạn 2026 - 2030: 80.000 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư công ngân sách trung ương: 32.000 tỷ đồng (chiếm 40%);
- Vốn đầu tư công ngân sách địa phương: 40.000 tỷ đồng (chiếm 50%);
- Vốn huy động hợp pháp khác: 8.000 tỷ đồng (chiếm 10%).

1.6. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn thực hiện Dự án thành phần 1.
- b) Các địa phương triển khai thực hiện Dự án thành phần 1.

2. Dự án thành phần 2: Hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, tăng quy mô và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có kỹ năng

2.1. Mục tiêu chung

Hiện đại hóa hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, gắn với nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng đào tạo, tăng quy mô đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng xanh và năng lực đổi mới sáng tạo; góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia và đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đầu tư trọng điểm cho 18 trường cao đẳng, trong đó 06 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia và 12 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia. Đầu tư cho khoảng 30 trường cao đẳng để đào tạo ít nhất 20 ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng và địa phương, có năng lực cạnh tranh trong khu vực ASEAN.

b) Phân đầu 100% các trường cao đẳng tham gia Chương trình được đầu tư để hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo trong đó ưu tiên một số ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ trọng điểm; phát triển đồng bộ nhà xưởng thực hành, phòng học, giảng đường, công trình phụ trợ và hạ tầng số phục vụ đào tạo.

c) Phân đầu 100% các trường cao đẳng tham gia Chương trình được đầu tư

để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản trị, quản lý và tổ chức đào tạo; phát triển học liệu số, mô hình đào tạo thông minh và môi trường học tập số.

d) Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện các chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếp cận tiêu chuẩn khu vực và quốc tế; tăng cường gắn kết giữa nhà trường với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo và phát triển kỹ năng nghề.

2.3. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi: Trên phạm vi cả nước.

b) Đối tượng thụ hưởng:

Các trường cao đẳng công lập được lựa chọn tham gia Chương trình theo các tiêu chí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.4. Nội dung hoạt động

a) Nội dung số 01: Đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo

Đầu tư đồng bộ, hiện đại hóa toàn diện hạ tầng kỹ thuật và năng lực đào tạo thực hành tại các trường cao đẳng được lựa chọn, trọng điểm là 18 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng và khoảng 30 cơ sở đào tạo ngành, nghề mũi nhọn. Quy mô đầu tư bao gồm:

- Về cơ sở vật chất: Xây dựng mới, cải tạo, mở rộng và nâng cấp hệ thống giảng đường, phòng học, nhà xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện, ký túc xá, cùng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ giảng dạy, học tập và sinh hoạt;

- Về trang thiết bị: Mua sắm đồng bộ thiết bị thực hành, thực nghiệm, phần mềm chuyên ngành và các hệ thống mô phỏng hiện đại. Ưu tiên tập trung cho các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn, AI, tự động hóa, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và các ngành kinh tế mũi nhọn; tạo đột phá trong nâng cao năng lực thực hành chuyên sâu, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và gắn kết với doanh nghiệp ở một số ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ trọng điểm.

b) Nội dung số 02: Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, nền tảng số và cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản trị giáo dục nghề nghiệp. Thiết lập đồng bộ hệ thống học liệu số, bài giảng điện tử, phòng học trực tuyến và mô hình đào tạo thông minh; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quy trình giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá chất lượng; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước.

c) Nội dung số 03: Xây dựng, hoàn thiện các chương trình đào tạo

Xây dựng mới, cập nhật, chuẩn hóa chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, khu vực và quốc tế; phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề mới, ngành, nghề phục vụ các lĩnh vực công nghệ cao và chuyển đổi số; phát triển học

liệu, giáo trình đào tạo.

2.5. Vốn và nguồn vốn

Tổng vốn giai đoạn 2026 - 2030: 11.429 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư công ngân sách trung ương: 8.000 tỷ đồng (chiếm 70%);
- Vốn đầu tư công ngân sách địa phương: 1.143 tỷ đồng (chiếm 10%);
- Vốn nguồn thu hợp pháp của đơn vị thụ hưởng: 1.143 tỷ đồng (chiếm 10%);
- Vốn huy động hợp pháp khác: 1.143 tỷ đồng (chiếm 10%).

2.6. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Dự án thành phần 2.

b) Các Bộ, địa phương quản lý trực tiếp các trường cao đẳng tham gia Chương trình chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Dự án thành phần 2 tại các đơn vị thuộc thẩm quyền.

3. Dự án thành phần 3: Đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục đại học trong quy hoạch được duyệt; đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở giáo dục đại học tại các vùng kinh tế trọng điểm

3.1. Mục tiêu chung

Tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại hóa mạng lưới cơ sở giáo dục đại học trọng điểm theo quy hoạch; tạo đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc các ngành khoa học, kỹ thuật, sư phạm, sức khỏe, công nghệ then chốt và chiến lược; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và vị thế của giáo dục đại học Việt Nam ngang tầm khu vực và thế giới, đưa Việt Nam trở thành trung tâm Giáo dục - Khoa học - Đổi mới sáng tạo của khu vực.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Tập trung đầu tư phát triển nâng cao vị thế để có ít nhất 08 cơ sở giáo dục đại học lọt vào nhóm 200 đại học hàng đầu châu Á và 01 cơ sở giáo dục đại học lọt vào nhóm 100 thế giới trong một số ngành, lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín;

- Phân đầu ít nhất 30 cơ sở giáo dục đại học được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại tương đương với các nước phát triển trong khu vực châu Á;

- Phân đầu khoảng 50% cơ sở giáo dục đại học công lập được đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất để đạt chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Hình thành 10 trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm.

3.3. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi: Trên phạm vi cả nước.

b) Đối tượng thụ hưởng:

Các cơ sở giáo dục đại học công lập được lựa chọn tham gia Chương trình theo các tiêu chí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.4. Nội dung hoạt động

a) Nội dung số 01: Đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất và hệ thống trang thiết bị nghiên cứu chuyên sâu thuộc các ngành khoa học, kỹ thuật, công nghệ then chốt, chiến lược. Nâng cấp, mở rộng không gian phát triển, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm theo hướng thông minh, xanh và bền vững

- Về cơ sở vật chất: Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống giảng đường hiện đại, phòng thí nghiệm trọng điểm, xưởng thực nghiệm, trung tâm học liệu, thư viện số và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ;

- Về trang thiết bị: Mua sắm đồng bộ trang thiết bị đào tạo tiên tiến, thiết bị thực nghiệm và phòng thí nghiệm chuyên sâu. Tập trung ưu tiên tối đa cho các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm để phục vụ đào tạo, nghiên cứu các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật mũi nhọn và hạ tầng chiến lược quốc gia, bao gồm: công nghệ bán dẫn, thiết kế vi mạch, AI, khoa học dữ liệu, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối (Blockchain), công nghệ Robot, tự động hóa, công nghệ sinh học, năng lượng mới, vật liệu tiên tiến, khoa học giáo dục, sức khỏe và các ngành kỹ thuật phục vụ hạ tầng chiến lược (đường sắt tốc độ cao, kinh tế xanh, đô thị thông minh).

b) Nội dung số 02: Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Đầu tư nâng cấp hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, hệ sinh thái số và trực liên thông dữ liệu phục vụ công tác quản trị đại học thông minh. Phát triển và số hóa đồng bộ các công cụ quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính và nhân sự; xây dựng hệ thống học liệu số dùng chung, các phòng thí nghiệm ảo và mô hình trường học số; tăng cường năng lực an toàn, bảo mật thông tin và kết nối dữ liệu liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học.

c) Nội dung số 03: Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ và nền tảng số để hình thành 10 trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm. Xây dựng không gian làm việc chung (co-working space), phòng thiết kế sáng tạo, các phòng thí nghiệm chế tạo nhanh (FabLab) nhằm hỗ trợ người học và các nhóm nghiên cứu phát triển ý tưởng, thử nghiệm sản phẩm, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, bảo đảm sự kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp, các khu công nghệ cao và các quỹ đầu tư, hình thành chuỗi giá trị khởi nghiệp - đổi mới sáng tạo khép kín.

3.5. Vốn và nguồn vốn

Tổng vốn giai đoạn 2026 - 2030: 64.286 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư công ngân sách trung ương: 45.000 tỷ đồng (chiếm 70%);
- Vốn đối ứng của đơn vị thụ hưởng: 19.286 tỷ đồng (chiếm 30%).

3.6. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Dự án thành phần 3.

b) Các Bộ, địa phương quản lý trực tiếp các cơ sở giáo dục đại học tham gia Chương trình: Chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện Dự án thành phần 3 tại các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Dự án thành phần 4: Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục và người học trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo

4.1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng, năng lực của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và người học để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chủ động chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế và phát triển toàn diện người học.

4.2. Mục tiêu cụ thể

a) Nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập quốc tế

- Tối thiểu 95% đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (khoảng 1,2 triệu người) được bồi dưỡng về năng lực quản trị, năng lực số, công nghệ giáo dục và AI trong quản lý, giảng dạy và học tập, trong đó có 90% (khoảng 01 triệu người) được cấp chứng nhận hằng năm; sau đào tạo, các nội dung và kỹ năng này được triển khai trong hoạt động dạy học, bảo đảm ít nhất 70% học sinh, sinh viên được thụ hưởng;

- Tối thiểu 50% cơ sở giáo dục triển khai và ứng dụng hiệu quả công nghệ số, công nghệ giáo dục và AI trong công tác quản lý, hỗ trợ dạy học và đổi mới sáng tạo;

- Tối thiểu 50% nhà giáo cơ sở giáo dục nghề nghiệp giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm được bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cao hơn một bậc so với yêu cầu chuẩn kỹ năng nghề hiện hành; tối thiểu 65% nhà giáo đạt chuẩn giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm theo trình độ tiệm cận chuẩn của các nước ASEAN - 4 và G20;

- Tối thiểu 50% giảng viên đại học giảng dạy các ngành trọng điểm được bồi dưỡng đạt chuẩn năng lực nghề nghiệp, chuẩn trình độ và học thuật tương đương chuẩn khu vực hoặc quốc tế, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu trong bối cảnh hội nhập quốc tế: Khoảng 1.000 giảng viên giảng dạy các ngành trọng điểm tham dự các hội thảo khoa học quốc tế, góp phần nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế;

- Tối thiểu 70% cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao được bồi dưỡng trong nước và tham gia các hội thảo quốc tế nhằm nâng cao năng lực quản trị, quản lý và hội nhập quốc tế;

- Bảo đảm 100% đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý có hồ sơ năng lực số, ghi nhận kết quả bồi dưỡng và được theo dõi quá trình phát triển nghề nghiệp liên tục;

- Bảo đảm 100% đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục các cấp/bậc học trên toàn quốc được cấp quyền truy cập, khai thác sử dụng hệ thống học liệu mở và ngân hàng bài giảng trực tuyến mở.

b) Từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học

- Tối thiểu 30% cơ sở giáo dục mầm non có giáo viên đủ năng lực triển khai các hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh; tối thiểu 30% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (trung học cơ sở và trung học phổ thông) có giáo viên đủ năng lực giảng dạy một số môn học bằng tiếng Anh;

- Tối thiểu 30% cơ sở giáo dục mầm non triển khai các hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh; tối thiểu 30% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (trung học cơ sở và trung học phổ thông) triển khai thí điểm dạy học bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai ở một số nội dung của một số môn học¹;

- 100% các trường đại học sư phạm trọng điểm có đủ năng lực triển khai đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mầm non có năng lực triển khai các hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh, giáo viên phổ thông có năng lực giảng dạy một số môn học bằng tiếng Anh;

- Triển khai thí điểm dạy và học một số môn học bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai tại 544 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên (trung học cơ sở và trung học phổ thông) trên phạm vi cả nước; mỗi tỉnh, thành phố lựa chọn các cơ sở giáo dục đại diện cho địa bàn thuận lợi và khó khăn để thực hiện thí điểm. Các cơ sở giáo dục tham gia thí điểm được hỗ trợ trực tiếp học liệu, tài liệu và công cụ để xây dựng môi trường học tập một số môn học bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai;

- Xây dựng, ban hành khung chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy một số môn học bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai cho khoảng 50.000 giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, trong đó khoảng 36.000 giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên (trung học cơ sở và trung học phổ thông của 12.000 cơ sở giáo dục (tương ứng khoảng 30% tổng số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên);

- Xây dựng, ban hành 07 bộ chương trình, tài liệu bồi dưỡng về phát triển

¹ Các môn học: Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán, Mỹ thuật và Âm nhạc.

chương trình và tài liệu dạy một số môn bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai dành cho giảng viên đại học sư phạm các cấp, bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; trung học phổ thông chuyên; trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông); khoảng 1.000 giảng viên đại học sư phạm được bồi dưỡng về phát triển chương trình và thực hiện bồi dưỡng giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên dạy một số môn học bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai.

c) Thí điểm mô hình trường học phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện và hội nhập quốc tế

- Triển khai thí điểm mô hình trường học phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện và hội nhập quốc tế tại 544 cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học phổ thông thực hành và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (trung học cơ sở và trung học phổ thông) trên toàn quốc, mỗi tỉnh, thành phố lựa chọn các cơ sở giáo dục đại diện vùng thuận lợi, khó khăn để triển khai thí điểm;

- Phân đầu tối thiểu 30% cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học phổ thông thực hành và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (trung học cơ sở và trung học phổ thông) trong toàn quốc (khoảng 12.000 cơ sở giáo dục) triển khai thí điểm mở rộng mô hình trường học thông minh ứng dụng công nghệ số và AI trong quản lý, giảng dạy và học tập, dạy học tích hợp STEM/STEAM, dạy một số môn học bằng tiếng Anh. Mỗi tỉnh, thành phố lựa chọn các cơ sở giáo dục tham gia thí điểm, bao gồm vùng thuận lợi và khó khăn;

- Khoảng 12.000 giáo viên cốt cán các cấp/bậc học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên được bồi dưỡng về giáo dục STEM/STEAM, hình thành mạng lưới giáo viên cốt cán triển khai giáo dục STEM/STEAM tại các địa phương; Khoảng 250.000 giáo viên được bồi dưỡng về STEM/STEAM; 70.000 cán bộ quản lý giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cán bộ quản lý Sở Giáo dục và Đào tạo, cán bộ quản lý giáo dục phường xã được bồi dưỡng về triển khai giáo dục STEM/STEAM;

- Khoảng 12.000 giáo viên cốt cán các cấp/bậc học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên được bồi dưỡng; khoảng 250.000 giáo viên và 70.000 cán bộ quản lý giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cán bộ quản lý Sở Giáo dục và Đào tạo, cán bộ quản lý giáo dục phường xã được bồi dưỡng về triển khai mô hình.

d) Phát triển tài năng, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển toàn diện người học

- Tối thiểu 50% cơ sở giáo dục phổ thông (trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học phổ thông thực hành và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên) xây dựng và vận hành hệ sinh thái ươm mầm tài năng, tạo môi trường phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu và hỗ trợ tham gia các dự án khoa học - công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực then chốt; 50% cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên có cán bộ tư vấn khởi nghiệp được bồi dưỡng, đạt tỷ lệ 01 cán bộ/800 học sinh. Cụ thể:

+ Chương trình, tài liệu bồi dưỡng cán bộ tư vấn khởi nghiệp về phát hiện, ươm mầm tài năng, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và học tập số được xây dựng và ban hành;

+ Khoảng 12.000 cán bộ tư vấn khởi nghiệp là giáo viên, cán bộ quản lý của 6.000 trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học phổ thông thực hành, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên được bồi dưỡng và có năng lực hướng dẫn, phát hiện và ươm mầm tài năng, năng khiếu cho học sinh (đạt tỷ lệ 01 cán bộ/800 học sinh).

- Tối thiểu 70% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học có đào tạo các lĩnh vực then chốt vận hành hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực then chốt, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, kỹ thuật then chốt; 70% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học có cán bộ tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp được bồi dưỡng đạt tỷ lệ 1 cán bộ/500 sinh viên. Cụ thể:

+ Chương trình, tài liệu bồi dưỡng về phát hiện, ươm mầm tài năng, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và học tập số được xây dựng và ban hành;

+ Khoảng 5.000 cố vấn đồng hành là giảng viên/cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở đào tạo đại học được tập huấn (đạt 01 cố vấn đồng hành/500 sinh viên);

+ Khoảng 70% sinh viên giáo dục nghề nghiệp và đại học các ngành trọng điểm tham gia các câu lạc bộ/nhóm khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, tham gia các hoạt động chuyển giao các đề tài dự án khởi nghiệp sáng tạo của giảng viên, sinh viên và hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp, mô hình kinh doanh tại cộng đồng.

- Xây dựng chương trình, tài liệu và triển khai bồi dưỡng phát triển hoạt động thể thao, văn hóa, nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục cho khoảng 100.000 giáo viên/giảng viên và giáo dục pháp luật cho khoảng 50.000 giáo viên/giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học phổ thông thực hành), trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông), giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học để có năng lực hướng dẫn, phát hiện và bồi dưỡng tài năng, năng khiếu thể thao, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục pháp luật cho học sinh,

sinh viên (có 40.000 cơ sở giáo dục và đào tạo, mỗi cơ sở bồi dưỡng từ 1 - 3 giáo viên/giảng viên/chuyên viên).

- Tối thiểu 70% học sinh, sinh viên (khoảng 20 triệu người) tham gia ít nhất 01 hoạt động thể thao, văn hóa, nghệ thuật; 50% cơ sở giáo dục (khoảng 40.000 cơ sở) có câu lạc bộ thể thao, văn hóa hoạt động thường xuyên; 50% học sinh, sinh viên (khoảng 14 triệu người) được tham gia ít nhất 01 hoạt động hoặc dự án phục vụ cộng đồng, góp phần hình thành phẩm chất, năng lực và trách nhiệm xã hội.

4.3. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi: Trên phạm vi cả nước.

b) Đối tượng thụ hưởng:

Các cơ sở giáo dục công lập ở tất cả các cấp học, bậc học, các cơ quan quản lý giáo dục các cấp; người học, nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

4.4. Nội dung hoạt động

4.4.1. Nội dung 1: Nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập quốc tế

a) Nhiệm vụ 1.1: Xây dựng bộ chuẩn và công cụ đánh giá năng lực về chuyển đổi số, AI và đổi mới sáng tạo cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Nghiên cứu xây dựng bộ chuẩn và công cụ đánh giá năng lực chuyển đổi số, AI và đổi mới sáng tạo áp dụng cho nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục của các cấp/bậc học;

- Phát triển tài liệu và tổ chức tập huấn hướng dẫn sử dụng bộ chuẩn và công cụ đánh giá về chuyển đổi số, AI và đổi mới sáng tạo cho từng cấp học, bậc học;

- Triển khai đánh giá theo chuẩn về chuyển đổi số, AI và đổi mới sáng tạo cho nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục các cấp/bậc học; thực hiện đánh giá trên hệ thống quản lý phát triển nghề nghiệp đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Nhiệm vụ 1.2: Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và quản lý học tập phục vụ phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Bổ sung, nâng cấp, vận hành hệ thống, nền tảng chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo phục vụ phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục toàn ngành;

- Xây dựng, nâng cấp, vận hành kho học liệu mở về chuyển đổi số, AI, dạy học bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, giáo dục STEM/STEAM; triển khai ngân hàng khóa học trực tuyến bồi dưỡng phát triển chuyên môn giáo viên các cấp học giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

c) Nhiệm vụ 1.3: Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý

giáo dục và người học về năng lực số, AI, kỹ năng sử dụng công cụ và hệ sinh thái học tập số

- Bổ sung, nâng cấp nền tảng học tập số hỗ trợ đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học;

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực số, AI, kỹ năng sử dụng công cụ và hệ sinh thái học tập số cho giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục các cấp/bậc học (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học);

- Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ kỹ năng nghề cao hơn một bậc so với yêu cầu chuẩn kỹ năng nghề đối với giáo viên và bồi dưỡng đạt chuẩn để giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN - 4 và G20;

- Tổ chức các hội thảo khoa học thuộc các ngành trọng điểm mũi nhọn có sự tham gia của các nhà khoa học quốc tế;

- Bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao đạt chuẩn tiếp cận trình độ các nước ASEAN - 4 và G20.

- Xây dựng bộ chuẩn, tài liệu, chương trình bồi dưỡng, tổ chức bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, quản lý cơ sở giáo dục về năng lực quản trị.

4.4.2. Nội dung 2: Hỗ trợ dạy và học bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong trường học

a) Nhiệm vụ 2.1: Nâng cao năng lực cho các trường đại học sư phạm/trường đại học có đào tạo sư phạm về bồi dưỡng giáo viên dạy một số môn học bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai

- Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực phát triển chương trình bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên các trường đại học sư phạm/trường đại học có đào tạo sư phạm về dạy học một số môn học bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai;

- Xây dựng khung chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học một số môn học bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai cho đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học phổ thông thực hành) và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (trung học cơ sở và trung học phổ thông).

b) Nhiệm vụ 2.2: Hỗ trợ dạy và học một số môn bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong trường học ở cấp mầm non, phổ thông (tiểu học và trung học cơ sở và trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học phổ thông thực hành) và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (trung học cơ sở và trung học phổ thông)

- Thí điểm dạy và học một số môn tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong trường học ở cấp mầm non, phổ thông (tiểu học và trung học cơ sở và trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học phổ thông thực hành) và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông) để làm cơ sở nhân rộng;

- Hỗ trợ trực tiếp học liệu, tài liệu, công cụ hỗ trợ xây dựng môi trường học tập một số môn học bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học phổ thông thực hành) và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông) tham gia thí điểm;

- Triển khai thí điểm nhân rộng dạy và học một số môn học bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông).

4.4.3. Nội dung 3: Thí điểm mô hình trường học phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện và hội nhập quốc tế

a) Nhiệm vụ 3.1: Thiết kế mô hình trường học phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện và hội nhập quốc tế

- Thiết kế chương trình, tài liệu giáo dục STEM/STEAM cho các cấp, bậc học mầm non, phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học phổ thông thực hành) và giáo dục thường xuyên (trung học cơ sở và trung học phổ thông);

- Thiết kế mô hình trường học phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện và hội nhập quốc tế cho các cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên (cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông), bao gồm: trường học thông minh ứng dụng công nghệ số và AI trong quản lý, giảng dạy và học tập, giáo dục STEM/STEAM, dạy các môn khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh (mục tiêu, nội dung, phương pháp tổ chức, phương pháp kiểm tra đánh giá, lộ trình, các điều kiện bảo đảm);

- Xây dựng bộ tài liệu, học liệu hướng dẫn triển khai mô hình; tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên; bộ học liệu tham khảo cho các môn học và hoạt động giáo dục; bộ thiết bị hỗ trợ tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Nhiệm vụ 3.2: Triển khai thí điểm mô hình trường học phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện và hội nhập quốc tế trên toàn quốc dưới các hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế

- Bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý Sở Giáo dục và Đào tạo, cán bộ quản lý giáo dục phường xã về giáo dục STEM/STEAM;

- Bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý

Sở Giáo dục và Đào tạo, cán bộ quản lý giáo dục phường xã về triển khai mô hình;

- Lựa chọn và triển khai thí điểm mô hình, bảo đảm mỗi tỉnh, thành phố lựa chọn các cơ sở giáo dục đại diện vùng thuận lợi, khó khăn để triển khai thí điểm;

- Hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học phổ thông thực hành và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông) triển khai mô hình trường học phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện và hội nhập quốc tế.

4.4.4. Nội dung 4: Phát triển tài năng, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển toàn diện người học

a) Nhiệm vụ 4.1. Phát triển tài năng, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, kỹ thuật then chốt

- Xây dựng công cụ định hướng nghề nghiệp, phát hiện, ươm mầm tài năng, năng khiếu của học sinh; xây dựng tài liệu bồi dưỡng, định hướng ươm mầm phát triển tài năng, năng khiếu, kỹ năng đổi mới sáng tạo, tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp sáng tạo cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông (bao gồm của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên);

- Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng cán bộ tư vấn khởi nghiệp là giáo viên, cán bộ quản lý về phát hiện, ươm mầm tài năng, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và học tập số;

- Xây dựng chương trình, tài liệu và bồi dưỡng cố vấn đồng hành là giảng viên/cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học về bồi dưỡng, phát hiện, ươm mầm tài năng, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và học tập số trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân tài về khoa học, công nghệ, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.

b) Nhiệm vụ 4.2. Phát triển tài năng thể thao, văn hóa; giáo dục pháp luật và hoạt động phục vụ cộng đồng hướng đến giáo dục toàn diện cho người học

- Xây dựng chương trình, tài liệu và triển khai bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý về phát triển hoạt động thể thao, văn hóa, nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục; hỗ trợ các cơ sở giáo dục về phát triển hoạt động thể thao, văn hóa, nghệ thuật;

- Đẩy mạnh phổ biến giáo dục pháp luật, truyền thông các chính sách, pháp luật liên quan đến người học và tăng cường khả năng tiếp cận trợ giúp pháp lý cho người học; nâng cao năng lực đội ngũ tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý tại các cơ sở giáo dục.

4.5. Vốn và nguồn vốn

Tổng vốn thực hiện Dự án giai đoạn 2026 - 2030: 18.125 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương (kinh phí thường xuyên): 14.500 tỷ đồng (chiếm 80,0%);

- Ngân sách địa phương (kinh phí thường xuyên): 3.625 tỷ đồng (chiếm 20,0%).

4.6. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án thành phần 4. Chủ trì các hoạt động cấp trung ương, huy động các đơn vị trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ: xây dựng chuẩn, chương trình, tài liệu; xây dựng hệ thống quản lý thông tin và quản lý học tập phục vụ phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; hệ thống học liệu mở, MOOCs; bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, giáo viên cốt cán, chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát hoạt động dự án ở các địa phương.

b) Các bộ, ngành, cơ quan chủ quản của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp thụ hưởng Chương trình: Chủ trì, tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Các địa phương chủ trì các hoạt động cấp địa phương, huy động các tổ chức, cá nhân đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ: bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục diện rộng trên địa bàn; chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện các hoạt động của dự án tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

5. Dự án thành phần 5: Quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tổ chức thực hiện Chương trình

5.1. Mục tiêu chung

Thiết lập quy trình, hệ thống kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình đồng bộ, toàn diện, đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình; tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng, minh bạch thông tin và quy định của pháp luật; ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực tổ chức cho các đơn vị thực hiện Chương trình; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đơn vị điều phối thực hiện Chương trình.

5.2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và quản lý số

- Hoàn thành, vận hành cơ sở dữ liệu về Chương trình bảo đảm khả năng kết nối với cơ sở dữ liệu về các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Hoàn thành, vận hành cổng thông tin về Chương trình, 100% thông tin, kết quả thực hiện Chương trình được công khai trên cổng thông tin.

b) Đánh giá, giám sát chương trình

Toàn bộ 100% các nhiệm vụ trong Chương trình được xây dựng và phổ biến các khuyến nghị, hướng dẫn để nâng cao hiệu quả thực hiện tại các cấp. 100% các loại công trình được đầu tư trong Chương trình được xây dựng và phổ biến hướng dẫn về quản lý, vận hành sau khi Chương trình kết thúc.

c) Đào tạo, tập huấn, báo cáo tổ chức thực hiện chương trình

- Bảo đảm 100% cán bộ chuyên trách quản lý, điều phối thực hiện Chương trình các cấp, 100% cán bộ trong hệ thống chính trị tham gia thực hiện Chương trình được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức quản lý, điều phối thực hiện Chương trình; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đơn vị điều phối thực hiện Chương trình;

- Hằng năm 100% các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện, chia sẻ các sáng kiến, kinh nghiệm hay, nhân rộng các mô hình, cách làm sáng tạo, biểu dương, tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện Chương trình;

- Hằng năm, sơ kết 3 năm, tổng kết 5 năm, định kỳ tổ chức tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

5.3. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi: Trên phạm vi toàn quốc, tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia thực hiện Chương trình.

b) Đối tượng thụ hưởng:

- Các cơ quan chủ trì, quản lý dự án thuộc Chương trình;

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình;

- Người thụ hưởng Chương trình.

5.4. Nội dung hoạt động

a) Nội dung 01: Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

- Xây dựng Khung kết quả của Chương trình, Bộ chỉ số theo dõi thực hiện;

- Xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình;

- Xây dựng hệ thống các biểu mẫu báo cáo, nội dung, cơ chế báo cáo;

- Tuyên truyền, biểu dương, tôn vinh, khen thưởng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người lao động, người học có thành tích xuất sắc trong thực hiện các chuyên đề của Chương trình;

- Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, diễn đàn mở để thu thập ý kiến từ chuyên gia, tổ chức xã hội và cộng đồng;

- Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở cấp Trung ương và các cấp địa phương.

b) Nội dung 02: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và quản lý số

- Xây dựng phần mềm quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục;

- Mua sắm trang thiết bị và thuê hạ tầng mạng cài đặt hệ thống quản lý chương trình;

- Rà soát, đánh giá, bổ sung, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu

về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học (HEMIS) và giáo dục nghề nghiệp hiện có và nền tảng giáo dục số quốc gia; ưu tiên thực hiện vận hành, bổ sung, nâng cấp hệ thống và các nền tảng dùng chung phục vụ hoạt động quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Xây dựng trang thông tin Chương trình.

c) Nội dung 3: Đào tạo, tập huấn, báo cáo tổ chức thực hiện chương trình

- Xây dựng các bộ tài liệu tập huấn hướng dẫn và nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý Chương trình tại cơ quan trung ương và địa phương thực hiện và giám sát đánh giá kết quả Chương trình;

- Tổ chức tập huấn cho cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án về quy trình, hệ thống, biểu mẫu, báo cáo xuyên suốt toàn bộ Chương trình; tổ chức tập huấn cho cơ quan thực hiện dự án địa phương theo ngành dọc và theo chức năng kiểm tra, giám sát, đánh giá;

- Tổ chức các hoạt động vận động, xúc tiến, huy động nguồn lực đóng góp từ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài để thực hiện Chương trình;

- Đa dạng hình thức tuyên truyền, truyền thông về Chương trình;

- Tổ chức các Hội thảo công bố, sơ kết hằng năm, giữa kỳ, tổng kết. Định kỳ hội thảo đối thoại chính sách.

5.5. Vốn và nguồn vốn

Tổng vốn thực hiện Dự án giai đoạn 2026 - 2030: 833 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí thường xuyên): 500 tỷ đồng

- Vốn ngân sách địa phương (kinh phí thường xuyên): 333 tỷ đồng.

5.6. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án.

b) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức thực hiện Dự án.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng các nguồn lực huy động để thực hiện Chương trình

Tổng các nguồn lực huy động để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030: 174.673 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách trung ương: 100.000 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư công: 85.000 tỷ đồng;

- Kinh phí thường xuyên: 15.000 tỷ đồng.

b) Vốn ngân sách địa phương: 45.101 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư công: 41.143 tỷ đồng;

- Kinh phí thường xuyên: 3.958 tỷ đồng.

c) Vốn đối ứng của các trường đại học và cao đẳng: khoảng 20.429 tỷ đồng.

d) Vốn huy động hợp pháp khác (bao gồm cả xã hội hóa): khoảng 9.143 tỷ đồng.

2. Nguyên tắc, tiêu chí, cơ chế phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng

Thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình.

V. CƠ CHẾ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Cơ chế, chính sách áp dụng đối với Chương trình

1.1. Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

Thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ) và quy định của pháp luật có liên quan.

1.2. Cơ chế phân bổ vốn ngân sách trung ương

a) Cơ chế phân bổ và mức hỗ trợ ngân sách trung ương được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 249/2025/QH15 và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

Việc giao dự toán, phân bổ, điều chỉnh và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình được thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

b) Các dự án thuộc Chương trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương phải được lập, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

c) Việc phân bổ ngân sách nhà nước cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện Chương trình bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Chương trình, kế hoạch hằng năm, tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, các nhiệm vụ cấp bách, địa phương khó khăn, các dự án hoàn thành trong kỳ kế hoạch, không bố trí vốn dàn trải.

1.3. Cơ chế đầu tư thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình

a) Chủ đầu tư các dự án thuộc Chương trình

Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng giáo dục, mua sắm trang thiết bị dạy học, căn cứ tính chất, quy mô: bộ, cơ quan ngang bộ, các địa phương quyết định lựa chọn, giao chủ đầu tư bảo đảm có đủ năng lực, phù hợp với tính chất, quy mô, đối tượng, để thực hiện.

b) Cơ chế đầu tư

Các dự án đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và pháp luật liên quan.

1.4. Cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện Chương trình với các chương trình mục tiêu quốc gia khác

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Giải pháp thực hiện Chương trình

2.1. Giải pháp về xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện về thể chế, chính sách pháp luật liên quan đến huy động, phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn lực, xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện chương trình, các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình, bao gồm hướng dẫn về chuyên môn và định mức chi tiêu, cơ chế tài chính cho Chương trình;

- Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

- Hoàn thiện hệ thống sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, phù hợp với điều kiện từng địa phương;

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia và địa phương; tăng cường mối liên hệ giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp xây dựng và phát triển trung tâm khởi nghiệp, vườn ươm, không gian sáng tạo và các phòng thí nghiệm mở; nghiên cứu đề xuất các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiếp cận vốn, thị trường, sở hữu trí tuệ;

- Nghiên cứu, đề xuất các quy định về định giá, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; cho phép tổ chức khoa học và công nghệ được chủ động khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ hình thành từ kết quả nghiên cứu, bảo đảm lợi ích hài hòa giữa Nhà nước, tổ chức chủ trì và nhà khoa học; khuyến khích đặt hàng nghiên cứu từ doanh nghiệp và thị trường;

- Hoàn thiện hành lang pháp lý quản lý, phát triển các sản phẩm số về giáo dục trên môi trường mạng (kho học liệu số, nền tảng, phần mềm giáo dục, giáo dục trực tuyến, hệ thống dữ liệu và hồ sơ học tập số);

- Khuyến khích tài năng và phong trào học đường: Quy định cơ chế, mức chi tài chính cho công tác bồi dưỡng, tổ chức và khen thưởng các cuộc thi chuyên môn, phát triển toàn diện cho học sinh, sinh viên (về khoa học kỹ thuật,

STEM/STEAM, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, văn hóa nghệ thuật và thể dục thể thao học đường,...);

- Hướng dẫn chuyên môn về ứng dụng AI trong dạy và học; xây dựng quy định, lộ trình và cơ chế chính sách từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; hướng dẫn chuyên môn và chuẩn hóa các điều kiện triển khai mô hình giáo dục STEM/STEAM đồng bộ ở các cấp học;

- Hoàn thiện, bổ sung quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đối với bậc mầm non, phổ thông.

2.2. Giải pháp huy động nguồn lực

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm đầy đủ, kịp thời theo quy định. Cơ quan thực hiện Chương trình, Dự án ở trung ương và địa phương có trách nhiệm huy động các nguồn lực hợp pháp để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, bao gồm:

- Huy động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư từ các nguồn: (i) nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; (ii) quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của cơ sở giáo dục; (iii) nguồn lực từ nguồn thu từ xổ số kiến thiết; (iv) vốn từ nguồn tài trợ, viện trợ; (v) nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

- Bảo đảm đủ nguồn nhân lực tham gia thực hiện Chương trình:

- + Huy động nguồn nhân lực sẵn có từ trung ương tới địa phương trên tất cả các vùng, miền thuộc 34 tỉnh, thành phố tham gia thực hiện các hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo theo chức năng và nhiệm vụ được giao; xây dựng cơ chế đãi ngộ, khuyến khích và giữ chân nhà giáo thông qua phụ cấp ưu đãi, chính sách thu hút nhân lực có trình độ làm việc lâu dài tại các cơ sở giáo dục, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên đảo;

- + Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý giám sát Chương trình, kết nối mạng lưới hỗ trợ chuyên môn từ xa trong quá trình thực hiện.

2.3. Giải pháp quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

Tổ chức hiệu quả bộ máy thực hiện Chương trình, nâng cao năng lực quản lý và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình:

- Tổ chức bộ máy điều hành được thực hiện theo nguyên tắc lồng ghép, tinh gọn, không làm phát sinh biên chế và tuân thủ mô hình vận hành một Ban Chỉ đạo Trung ương chung. Bộ Giáo dục và Đào tạo sử dụng một đơn vị chuyên môn sẵn có và cử nhân sự kiêm nhiệm làm đầu mối thường trực nhằm giúp việc cho Bộ trưởng - Thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương, đồng thời tham mưu điều phối, tổ chức thực hiện Chương trình do Bộ làm chủ quản. Đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm chủ động phối hợp với Cơ quan thường trực, Cơ quan giúp việc của Ban Chỉ đạo Trung ương để quản lý, tổng hợp, trao đổi thông tin và kịp thời xử lý các

vấn đề liên ngành liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

- Mở rộng và tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, ban, ngành đoàn thể và người dân trong việc giám sát thực hiện các hoạt động của Chương trình;

- Các địa phương xác lập cơ chế đầu tư về tài chính theo kế hoạch giai đoạn 5 năm 2026 - 2030 và hằng năm; trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, địa phương phải chủ động bố trí ngân sách, chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể để giải quyết các vấn đề còn tồn tại, khắc phục các khó khăn trên địa bàn theo mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể thuộc trách nhiệm của địa phương mà Chương trình đã đề ra;

- Nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị và xã hội về vị trí, vai trò trong việc phát triển giáo dục và đào tạo. Gắn trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền các cấp, các tổ chức xã hội, cá nhân trong triển khai nhiệm vụ. Đưa các chỉ tiêu về giáo dục vào nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương và phải được ưu tiên đầu tư từ ngân sách địa phương, bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách từ trung ương hỗ trợ;

- Thực hiện truyền thông sâu rộng các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, huy động mọi lực lượng xã hội cùng có trách nhiệm tham gia triển khai Chương trình hiệu quả;

- Tăng cường phối hợp, kết nối giữa ngành giáo dục và các ngành, lĩnh vực khác nhằm triển khai các nội dung chương trình hiệu quả, bảo đảm đạt các chỉ tiêu đầu ra của Chương trình. Phát huy vai trò và trách nhiệm của các bộ, ngành, các tổ chức xã hội, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai các Dự án thành phần;

- Ứng dụng công nghệ số trong giám sát, quản lý tiến độ và hiệu quả thực hiện Chương trình; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung phục vụ công tác theo dõi, đánh giá;

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện; điều chỉnh kịp thời những vướng mắc phát sinh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan trung ương

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Thực hiện các nhiệm vụ của chủ Chương trình theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định, hướng dẫn có liên quan;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình giai đoạn I từ năm 2026

đến năm 2030; ban hành theo thẩm quyền hoặc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình; hướng dẫn các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm và dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công hằng năm thực hiện Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng, ban hành nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện lựa chọn các cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng tham gia Chương trình; rà soát, xác định nhu cầu, danh mục ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, bảo đảm tập trung, hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí;

- Thông báo tổng mức kinh phí thường xuyên từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm của Chương trình giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm và đề xuất nhu cầu cân đối, phương án phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương, dự toán chi ngân sách trung ương hằng năm cho các bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố thực hiện Chương trình chi tiết theo dự án thành phần hoặc theo quy định của cấp có thẩm quyền về cơ chế phân bổ vốn ngân sách trung ương của từng chương trình mục tiêu quốc gia;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan nghiên cứu, đề xuất bổ sung ngân sách trung ương cho Chương trình, bao gồm nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn vốn khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện, giải ngân vốn, kinh phí của Chương trình, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan xây dựng Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá Chương trình bảo đảm kết nối đồng bộ với Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá các chương trình MTQG (do Bộ Tài chính quản lý) theo quy định tại Quyết định số 25/2025/QĐ-TTg ngày 22/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình; tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định;

- Tổng hợp kết quả quyết toán nguồn vốn sử dụng, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước, tình hình sử dụng vốn và giá trị khối lượng hoàn thành hằng năm, kết thúc giai đoạn thực hiện của Chương trình theo quy định;

- Căn cứ kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương tham mưu Chính phủ xem xét, trình

Quốc hội quyết định nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2031 - 2035.

b) Bộ Tài chính

- Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định chung về quản lý, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; quy định quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán chi thường xuyên thực hiện Chương trình;

- Trên cơ sở đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 05 năm và hằng năm, dự toán chi ngân sách trung ương hằng năm cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công;

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương kết nối đồng bộ hệ thống thông tin quản lý Chương trình với Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia cho Bộ Tài chính quản lý.

c) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan nghiên cứu lồng ghép hiệu quả nội dung, nguồn lực của Chương trình để góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa;

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, nâng cao chất lượng giáo dục văn hóa, đạo đức, nghệ thuật, kỹ năng xã hội vào chương trình giáo dục phổ thông các cấp và chương trình giáo dục đại học, sau đại học;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về vai trò của báo chí và truyền thông trong công tác tuyên truyền về các nội dung của Chương trình.

d) Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần thuộc Chương trình theo phân công;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đề xuất các tiêu chí, chỉ tiêu về đào tạo nghề, phát triển giáo dục trên địa bàn nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026 - 2030; nghiên cứu lồng ghép hiệu quả nội dung, nguồn lực của Chương trình để góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2035;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ địa phương giải quyết các vướng mắc liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giải quyết thủ tục giao đất, quyền sử dụng đất, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn và diện tích đất đối với từng loại cơ sở giáo dục, phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới trường lớp để bảo đảm hiệu quả đầu tư lâu dài.

đ) Bộ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về nghiên cứu khoa học phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn.

e) Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổ chức giám sát, kiểm tra việc triển khai, đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và các xã biên giới; tổng hợp, đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách giáo dục dân tộc.

g) Bộ Xây dựng

- Chủ trì, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần thuộc Chương trình theo phân công;

- Chủ trì nghiên cứu, bổ sung, ban hành các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn trong lĩnh vực xây dựng có liên quan để phục vụ cho việc xây dựng các cơ sở giáo dục; ban hành và hướng dẫn thiết kế điển hình đối với các loại trường học, các hạng mục công trình trường học phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, tự nhiên của từng vùng, gắn với biến đổi khí hậu và phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình giáo dục.

h) Bộ Y tế

- Chủ trì, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần thuộc Chương trình theo phân công;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành và địa phương triển khai công tác y tế trường học; hướng dẫn xây dựng, củng cố mạng lưới y tế học đường; bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và trang thiết bị y tế trong nhà trường. Tổ chức các chương trình giáo dục sức khỏe, dinh dưỡng học đường, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm và sức khỏe tâm thần trong học sinh, sinh viên. Thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá chất lượng y tế học đường.

i) Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự trong các cơ sở giáo dục công lập; xây dựng tiêu chuẩn, khung năng lực và chính sách thu hút, đãi ngộ đối với đội ngũ nhà giáo, chuyên gia và cán bộ quản lý giáo dục.

k) Bộ Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan trong việc phổ biến giáo dục pháp luật, truyền thông các chính sách, pháp luật liên quan đến người học và tăng cường khả năng tiếp cận trợ giúp pháp lý cho người học; nâng cao năng lực đội ngũ tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý tại các cơ sở giáo dục.

l) Các bộ, cơ quan trung ương được phân công chủ trì nội dung thành phần thuộc Chương trình

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định, hướng dẫn có liên quan;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện các nội dung, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì, theo hướng tích hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai, áp dụng thực hiện;

- Ưu tiên lồng ghép các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao để góp phần thực hiện các nội dung thành phần và các tiêu chí của Chương trình theo phân công;

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về cơ quan chủ trì Chương trình để tổng hợp;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương; định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương theo quy định.

m) Các bộ, cơ quan trung ương tham gia thực hiện Chương trình

- Thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan tham gia thực hiện Chương trình theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định, hướng dẫn có liên quan;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan trung ương có liên quan và các địa phương tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung thành phần, nội dung cụ thể của Chương trình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Có trách nhiệm lồng ghép các chương trình mục tiêu, dự án của từng bộ, cơ quan trung ương với Chương trình.

n) Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tin truyền thông khác phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan trung ương có liên quan thực hiện truyền thông về Chương trình.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

- Thực hiện các nhiệm vụ tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ; các nhiệm vụ thuộc Chương trình được giao tại Quyết định này và các quy định, hướng dẫn có liên quan;

- Chủ động và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, xác định nội dung đầu tư,

tiến độ và kết quả thực hiện để đạt được các mục tiêu của Chương trình được giao;

- Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng cấp và các sở, ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình, các nội dung của Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

- Căn cứ điều kiện thực tế, các địa phương nghiên cứu, thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình các cấp; thành lập bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo trên cơ sở thành lập mới hoặc kế thừa bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả và không phát sinh đầu mỗi quản lý nhà nước, không làm tăng biên chế;

- Chủ động cân đối bố trí đủ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định, cũng như có giải pháp huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để đầu tư thực hiện Chương trình;

- Căn cứ vào điều kiện thực tế, nghiên cứu, ban hành cơ chế khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành trên tinh thần tự nguyện, bảo đảm công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư;

- Tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, thành phố định kỳ, đột xuất.

3. Huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể các nội dung được phân công để hướng dẫn các địa phương thực hiện; chủ động, tích cực tham gia vào thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình theo phân công; đồng thời giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện Chương trình; thiết lập cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong tuyên truyền, vận động sức mạnh Nhân dân tham gia thực hiện Chương trình.

4. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp

a) Chuẩn bị các điều kiện để tiếp nhận các dự án đầu tư, đặc biệt là các điều kiện về đất đai của đơn vị.

b) Chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện bảo đảm chất lượng; tuân thủ đúng quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ quan chủ trì nội dung thành phần.

c) Tổ chức triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Bố trí đủ vốn đối ứng, chủ động huy động các nguồn lực xã hội, nguồn tài chính ngoài ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo đúng quy định pháp luật.

đ) Bảo đảm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chủ trì nội dung thành phần Chương trình. Chủ động xây dựng hệ thống dữ liệu, các chỉ số giám sát và đánh giá nội bộ phù hợp với các chỉ tiêu của Chương trình, bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý.